TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liễng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Tú Nhi.

2. Ông Tô Văn Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1186/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; thường trú: Số 276/11 (số cũ 1/9), khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ *Bị đơn:* Anh Trần Quang V, sinh năm 1979; thường trú: Số 72A, tổ 10, khu phố B, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quang V có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 24/5/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống số 72A, tổ 10, khu phố B, phường

B, thị xã D, tỉnh Bình Dương được 01 năm thì chị Hồng chuyển về sinh sống tại phường T, thị xã Dĩ An. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không chia sẻ các chi phí sinh hoạt trong gia đình với chị H, thường xuyên uống rượu, bia, chị H khuyên nhủ thì vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2018 và không còn quan tâm yêu thương nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22/10/2017, hiện đang sống cùng chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị H làm công nhân, thu nhập 01 tháng từ 8 triệu đến 9 triệu đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Trần Quang V*: Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21/02/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 12/3/2020 và ngày 31/3/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 12/3/2020 và ngày 31/3/2020 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quang V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, ngày 24/5/2017 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không phụ giúp chị H các chi phí sinh hoạt trong gia đình, thường xuyên uống rượu, bia dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2018, không còn yêu thương nhau nữa. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường B nhưng Hội liên hiệp phụ nữ không biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh V đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh V không đến, đồng thời chị H có đơn từ chối hòa giải. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và cả hai đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22/10/2017. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu K còn nhỏ, hiện mới 29 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Quá trình tố tụng, anh V không có ý kiến gì về việc chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị H nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Trần Quang V.

1.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Quang V (Giấy chứng nhận kết hôn số 60, ngày 24/5/2017 do Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương cấp).

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22/10/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quang V đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Trần Quang V cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0039785 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã D (01);
- CCTHA DS thị xã D (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Liễng